

Bản án số: 02/2018/HS-PT2  
Ngày 05- 4-2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN QUÂN SỰ TRUNG ƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* 4// Hoàng Sơn;

*Các Thẩm phán:* 1. 4// Lê Xuân Sinh;

2. 4// Vũ Thành Long.

**- Thư ký phiên tòa:** 3/ Trần Hoàng Giang, Thư ký Tòa án quân sự Trung ương.

**- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Trung ương tham gia phiên tòa:** 3// Giáp Văn Liên, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2018 tại Phòng xử án Tòa án quân sự Quân khu 5, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 01/2018/TLPT2-HS ngày 12 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo Lưu Thị Kim N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2018/HS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Tòa án quân sự Quân khu 5.

**- Bị cáo có kháng cáo:** Lưu Thị Kim N, sinh ngày 22 tháng 12 năm 1977 tại tỉnh H; nơi cư trú: Đường P, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Cấp bậc, chức vụ, đơn vị khi phạm tội: 3/ QNCS, Nhân viên c1, d1, Đoàn 1, Binh chủng T; nhập ngũ: Tháng 3 năm 1997; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Bá T, sinh năm 1952 và bà Đoàn Thị L, sinh năm 1952; có chồng là Hoàng Đức Q, sinh năm 1975 và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú: Có mặt.

Ngoài ra còn có bị cáo Lưu Thị Kim C không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị: Vắng mặt.

**- Người bào chữa cho bị cáo Lưu Thị Kim N:** Luật sư Đặng Văn P, thuộc Văn phòng Luật sư Đặng Văn P, Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa: Có mặt.

**- Bị hại:** Nguyễn Văn N, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn M, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam T16 Bộ Công An: Vắng mặt. Nguyễn Văn N ủy quyền cho vợ là bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1976; nghề nghiệp: Làm nông; nơi cư trú: Thôn M, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2015 đến tháng 2 năm 2016, Lưu Thị Kim N (3/ QNCN, Nhân viên c1, d1, Đoàn 1, Bình chủng T), đã cùng với Lưu Thị Kim C (trú tại Phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương) dùng thủ đoạn gian dối đưa ra nhiều thông tin không đúng sự thật về việc có khả năng hỏi, nắm thông tin về các đối tượng phạm tội ma túy bị bắt và lo cho Nguyễn Văn N (trú tại Thôn M, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, là đối tượng đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra, Bộ Công an điều tra, xử lý về tội phạm ma túy) không liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy, làm cho bị hại tin tưởng giao tiền cho N và C chiếm đoạt, sử dụng cá nhân. Cụ thể như sau:

Ngày 22 tháng 8 năm 2015, bị hại không liên lạc được với các đối tượng vận chuyển ma túy thuê cho mình là Trần Văn T, Trần Văn K và Trần Xuân K (do các đối tượng này đã bị Cơ quan điều tra - Bộ Công an bắt giữ), nên Bị hại gọi điện cho Vương Văn D (trú tại xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk) để nhờ hỏi giúp thông tin. D nói với Bị hại là để nhờ N giúp. Sau đó, Bị hại gọi điện cho N hỏi có quen biết chỗ nào thì hỏi hộ. Mặc dù không có khả năng nhưng N đã trao đổi, bàn bạc với C về việc Bị hại nhờ. C nói với N là để hỏi việc của Bị hại phải mất chi phí 350.000.000 đồng. Sau đó, N gọi điện cho Bị hại nói để hỏi thông tin Bị hại nhờ thì phải chi 500.000.000 đồng và Bị hại đồng ý. N gửi cho Bị hại 03 số tài khoản Ngân hàng để Bị hại chuyển tiền, bao gồm: 01 số tài khoản của C tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương, 01 số tài khoản của C nhờ của chị Nông Thị Biên T, tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam và 01 số tài khoản N nhờ của anh Hoàng Đức Đ, tại Ngân hàng Vietcombank. Bị hại gọi điện về cho vợ là Nguyễn Thị N, nói chuyển tiền vào các số tài khoản N đã cung cấp. Ngày 24 tháng 8 năm 2015, N nhờ cháu là Nguyễn Thị Minh N chuyển hộ tiền vào 02 số tài khoản do C cung cấp là 350.000.000 đồng, tài khoản do N cung cấp là 150.000.000 đồng, tổng cộng là 500.000.000 đồng.

Sau khi được C và N cung cấp thông tin về ba đối tượng vận chuyển ma túy cho Bị hại bị bắt, Bị hại tin tưởng thông tin đó là đúng, nên tiếp tục nhiều lần gọi điện nhờ N lo giúp cho Bị hại không liên quan đến việc vận chuyển ma túy nêu trên. N đã gọi điện trao đổi với C và sau khi được C cho biết nhờ được người làm trên Bộ Công an và phải chi phí 3.500.000.000 đồng thì N tự ý nâng thêm 2.000.000.000 đồng rồi nói với Bị hại để lo việc này phải chi 5.500.000.000 đồng. Bị hại thống nhất số tiền nhưng đề nghị chuyển trước 3.500.000.000 đồng, khi nào xong việc sẽ chuyển phần còn lại, N đồng ý. Từ ngày 29 tháng 8 năm 2015 đến ngày 18 tháng 9 năm 2015, theo đúng thỏa thuận Bị hại đã nhờ người chuyển 3.500.000.000 đồng vào số tài khoản của C, của bà Đoàn Thị L và của anh Hoàng Đức Q.

Sau khi nhận được số tiền do Bị hại chuyển đến, C và N tiếp tục đưa ra thông tin với nội dung là việc của Bị hại đã vào chuyên án, yêu cầu Bị hại phải

"mua chuyên án" hết 2.000.000.000 đồng. N trực tiếp gọi điện cho Bị hại yêu cầu chuyển cho N 4.000.000.000 đồng (gồm cả 2.000.000.000 đồng chưa chuyển trước đó). Bị hại kêu khó khăn nên xin bớt và được N đồng ý bớt 700.000.000 đồng. Theo yêu cầu của N, từ ngày 29 tháng 9 năm 2015 đến ngày 01 tháng 01 năm 2016, Bị hại tiếp tục nhờ người chuyển vào các tài khoản, địa chỉ do N và C cung cấp, trong đó có tài khoản của anh Hoàng Đức Q, anh Vũ D và tài khoản của N cùng mở tại Ngân hàng Vietcombank với số tiền 2.500.000.000 đồng, còn lại 800.000.000 đồng khi nào xong việc Bị hại sẽ thanh toán hết.

Quá trình trao đổi, N không nói cho Bị hại biết về những nội dung N đã bàn bạc, thống nhất với C. Tổng cộng, Bị hại đã chuyển cho N và C số tiền 6.500.000.000đ (trong đó, C nhận 4.800.000.000đ, N nhận 1.700.000.000đ). Sau khi nhận tiền, N và C không thực hiện như thỏa thuận với Bị hại mà chiếm đoạt và sử dụng vào mục đích cá nhân. Đến ngày 06 tháng 6 năm 2016, Bị hại bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an bắt tạm giam để xử lý về hành vi phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" nên đã tố cáo hành vi lừa đảo của Lưu Thị Kim N và Lưu Thị Kim C.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2018/HS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Tòa án quân sự Quân khu 5 đã quyết định:

**1. Về hình sự:** Tuyên bố các bị cáo Lưu Thị Kim N, Lưu Thị Kim C phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 BLHS năm 1999; Điều 17; Điều 58; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Lưu Thị Kim N 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Lưu Thị Kim C 09 (chín) năm tù và quyết định về bồi thường thiệt hại, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo và đương sự.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, bị cáo Lưu Thị Kim N kháng cáo và kháng cáo bổ sung ngày 26 tháng 3 năm 2018 xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tranh luận tại phiên tòa, sau khi phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo, phân tích, đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đại diện Viện kiểm sát quân sự Trung ương nêu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Tòa án quân sự Quân khu 5 xét xử bị cáo Lưu Thị Kim N về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ Luật hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo Lưu Thị Kim N là người khởi xướng, chủ động giao dịch, thỏa thuận với Nguyễn Văn N để chiếm đoạt 6.500.000.000 đồng của bị hại nên phải chịu trách nhiệm chính. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đã

xem xét toàn diện, áp dụng đầy đủ quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo nộp thêm 50.000.000 đồng để bồi thường thay cho Lưu Thị Kim C chỉ là khắc phục thêm hậu quả. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị hại có xin giảm nhẹ cho bị cáo nhưng xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 08 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2018/HS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Tòa án quân sự Quân khu 5.

Bào chữa cho bị cáo, Luật sư Đặng Văn P đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả bằng việc bán hết đất đai, nhà cửa và vay mượn để bồi thường cho người bị hại và bồi thường một phần hậu quả thay cho bị cáo C. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo tự nguyện bồi thường thêm 50.000.000 đồng nhằm khắc phục hậu quả vụ án nên cần khuyến khích ghi nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử vận dụng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nhất trí với nội dung bào chữa của Luật sư.

Đại diện bị hại có ý kiến đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo Lưu Thị Kim N là hợp lệ.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lưu Thị Kim N thừa nhận hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã tuyên phạt; lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp những chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa, thể hiện: Trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2015 đến tháng 2 năm 2016, Lưu Thị Kim N đã cùng với Lưu Thị Kim C dùng thủ đoạn gian dối đưa ra nhiều thông tin không đúng sự thật về việc có khả năng nắm thông tin về các đối tượng phạm tội ma túy và lo cho bị hại không liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy, để chiếm đoạt của Bị hại 6.500.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích cá nhân (trong đó, C nhận 4.800.000.000 đồng, N nhận 1.700.000.000 đồng). Trong quá trình điều tra và tại phiên Tòa sơ thẩm, N đã nộp 1.700.000.000 đồng, C nộp 300.000.000 đồng để bồi thường, khắc phục một phần hậu quả vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo:

Về lý do bị cáo xin giảm nhẹ vì đã cố gắng khắc phục hậu quả của vụ án (Bán hết nhà cửa và vay mượn để bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra và bồi thường một phần cho bị cáo Lưu Thị Kim C): Hội đồng xét xử thấy rằng, tình tiết này đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét và áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo.

Về lý do bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn: Nuôi cha mẹ già yếu, bệnh tật; chồng đau ốm; 03 con còn nhỏ...Hội đồng xét xử thấy đây không phải là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự và Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét nhân thân bị cáo khi quyết định hình phạt.

Tại phiên Tòa phúc thẩm, đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy đây là tình tiết giảm nhẹ mới cho bị cáo được hưởng theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo tự nguyện nộp 50.000.000 đồng để thi hành khoản tiền bồi thường giúp Lưu Thị Kim C: Xét thấy, trong điều kiện hoàn cảnh khó khăn của gia đình thì việc tự nguyện thi hành giúp C khoản tiền nêu trên là sự cố gắng, thể hiện trách nhiệm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tuy nhiên, số tiền này không lớn so với khoản tiền C còn phải bồi thường. Mặt khác, xem xét toàn diện vụ án, thấy rằng: Bị cáo là người khởi xướng, sau khi trao đổi với C thì bị cáo là người hoàn toàn chủ động việc đưa ra các thông tin gian dối với người bị hại, chủ động cung cấp các số tài khoản cho người bị hại, chủ động nâng số tiền không đúng số tiền C trao đổi với bị cáo; bị cáo là người chịu trách nhiệm hình sự chính trong vụ án này. Mức hình phạt thấp nhất quy định tại khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là mười hai năm tù, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 17; Điều 58; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo 08 năm tù là đã cân nhắc, xem xét khoan hồng, chiếu cố giảm nhẹ nhiều cho bị cáo chứ không phải là quá nặng theo như kháng cáo của bị cáo.

Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng, quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát quân sự Trung ương về việc không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm là có căn cứ; còn đề nghị của Luật sư, bị cáo và đại diện bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo Lưu Thị Kim N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 260, điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lưu Thị Kim N; giữ nguyên quyết định về hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2018/HS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Tòa án quân sự Quân khu 5 đã tuyên đối với bị cáo Lưu Thị Kim N.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 BLHS năm 1999; Điều 17; Điều 58; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Lưu Thị Kim N 08 (tám) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo Lưu Thị Kim N phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- Tòa án quân sự Quân khu 5;
- Viện kiểm sát quân sự Trung ương;
- Viện kiểm sát quân sự Quân khu 5;
- Phòng ĐTHSBCT;
- Cơ quan THAHS Quân khu 5;
- Phòng Thi hành án QK5;
- Luật sư Đặng Văn P;
- Bị cáo Lưu Thị Kim N;
- Bị hại Nguyễn Văn N;
- Văn phòng TAQSTW;
- Lưu: HS vụ án, Toà PT2.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**4// Hoàng Sơn**